

Phụ lục
QUY ĐỊNH VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Xã nông thôn mới kiểu mẫu phải hoàn thành các tiêu chí sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị triển khai, hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.	Đạt	Cục Thống kê tỉnh
2	Mô hình thôn, buôn thông minh <i>Chính quyền địa phương cấp xã có thể đăng ký thực hiện và hoàn thành ít nhất một trong ba nội dung (kinh tế số, xã hội số và hành chính điện tử)</i>	2.1. Có mô hình kinh tế được thực hiện tự động hóa ít nhất 70% các công đoạn hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp có hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn;	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		2.2. Người dân tiếp cận được thông tin (về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, khoa học kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, nước...) dựa trên nền tảng công nghệ như mạng xã hội, Zalo, ...;	≥ 70%	Sở Thông tin và Truyền thông
		2.3. Ít nhất 70% hộ dân thanh toán tiền điện hoặc nước không bằng tiền mặt hoặc ít nhất 70% hồ sơ được nộp trực tuyến.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
Lĩnh vực nổi trội nhất (hoàn thành ít nhất 01 lĩnh vực)				

3	Sản xuất	3.1. Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông sản chủ lực hoặc mô hình sử dụng công nghệ cao	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Hợp tác xã nông nghiệp có thể sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành	Đạt	
		3.3. Có sản phẩm được xếp hạng đạt chuẩn OCOP 4 sao và còn hiệu lực	≥ 1	
		3.4. Tỷ lệ sản phẩm OCOP được bán qua kênh thương mại điện tử	10%	
4	Cảnh quan môi trường	4.1. Có vườn hoa phục vụ cộng đồng và điểm check-in cho khách tham quan với quy mô $\geq 500 \text{ m}^2$	Đạt	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh
		4.2. Có tuyến đường trồng chuyên biệt một loại cây cảnh hoặc hoa để thu hút khách tham quan với chiều dài $\geq 1 \text{ km}$	Đạt	
		4.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		4.4. Có mô hình phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt hoặc sản xuất nông nghiệp	≥ 1	
5	Chuyển đổi số	5.1. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến	70%	Sở Thông tin và Truyền thông
		5.2. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu trong sản xuất nông nghiệp (hộ, quy mô, loại cây trồng, diện tích, lịch thời vụ, ...)	Đạt	
		5.3. Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4	Đạt	
		5.4. Có ít nhất 90% cán bộ của bộ phận một cửa được đánh giá ở mức 4 và 5 (theo thang 5 mức độ: 1 = rất không hài lòng, 2 = không hài lòng, 3 = bình thường, 4 = hài lòng và 5 = rất hài lòng) về dịch vụ hành chính công điện tử.	Đạt	

6	Giáo dục	6.1. Có mô hình giáo dục môi trường và thực hiện phân loại rác trong trường học	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		6.2. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại “khá”.	Đạt	
7	Văn hóa	7.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		7.2. Các giá trị văn hóa truyền thống được khai thác hiệu quả và lồng ghép vào các hoạt động du lịch	Đạt	
8	An ninh trật tự	9.1. Không có tệ nạn trật tự xã hội và tội phạm nghiêm trọng trong 3 năm liền	Đạt	Công an tỉnh
		9.2. Hệ thống camera an ninh được lắp đặt trên các tuyến đường liên xã và hoạt động hiệu quả trong phòng chống tệ nạn và theo dõi giao thông	Đạt	